

PHỤ LỤC
DANH SÁCH TIẾN ĐỘ THI CÔNG SỬA CHỮA NHÀ Ở HỘ CCCM NĂM 2025

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Nơi cư trú (thôn, phố dân phố)	Xây mới	Sửa chữa	Đã thi công xong
				0	3	2
XÃ	Xã Tịnh Thọ (3 hộ)					
1	Lê Văn Chí	1953	Thọ Bắc		SC	
2	Nguyễn Văn Lộc	1954	Thọ Bắc		SC	Hoàn thành
3	Phan Thị Diên	1953	Thọ Bắc		SC	Hoàn thành

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Mã số hộ nghèo, cận nghèo	Phân loại hộ (hộ nghèo đánh số 1; hộ cận nghèo đánh số 2; hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp BTXH đánh số 3)	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)
X	Xã Tịnh Thọ (25 hộ)			25	25		
1	Nguyễn Thị Lường	1917	X3, Thọ Bắc	4	1		
2	Nguyễn Thị Huê	1960	X4, Thọ Bắc	PS	1	100	100
3	Đặng Thị Gân	1945	X5, Thọ Bắc	8	1	200	200
4	Nguyễn Thị Ly	1939	X2, Thọ Trung	23	1	200	200
5	Lê Hữu Đông	1973	X2, Thọ Trung	25	1	100	100
6	Đặng Thị Xuân	1961	X3, Thọ Trung	30	1		
7	Huỳnh Thị Xi	1946	X3, Thọ Đông	36	1	200	200
8	Trần Thị Nguyễn	1953	X3, Thọ Tây	48	1		
9	Lê Thị Thông	1955	X4, Thọ Tây	48	1	200	200
10	Nguyễn Thị Tân	1955	X6, Thọ Tây	59	1		
11	Phạm Ngọc Thới	1984	X1, Thọ Bắc	57	2	200	40
12	Đinh Duy Nhứt	1990	X2, Thọ Bắc	59	2	200	50
13	Đinh Thị Bảo Yến	1987	X4, Thọ Bắc	65	2	200	67
14	Trương Thị Phú	1950	X6, Thọ Bắc	70	2	200	200
15	Huỳnh Thị Sơn	1956	X6, Thọ Bắc	87	2		
16	Trương Thị Phượng	1943	X7, Thọ Bắc	88	2		
17	Nguyễn Thị Thúy Hiền	1980	X3, Thọ Nam	77	2	200	50
18	Trần Thị Thiện	1945	X1, Thọ Trung	99	2		
19	Nguyễn Thị Hoa (S)	1946	X4, Thọ Trung	108	2		
20	Đỗ Tấn Đạt	1973	X7, Thọ Trung	118	2		
21	Từ Dê	1946	X4, Thọ Đông	102	2	200	50
22	Nguyễn Một	1953	X1, Thọ Tây	132	2		
23	Bùi Thị Dung (Bùi Thị Sửu)	1991	X3, Thọ Tây	115	2	200	33
24	Võ Thị Liên	1959	X5, Thọ Tây	PS	2		
25	Hà Thị Sương	1966	X6, Thọ Tây	144	2		

Nhu cầu nhà ở (đánh số 1 vào cột nhu cầu tương ứng)		Thực trạng đất ở (đánh số 1 vào cột thực trạng tương ứng)			Tiến độ thi công		
Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp	Đã thi công xong	Đang thi công	chưa thi công
4	21	10	0	15	21	4	0
	SC			1	Xong		
	SC			1	Xong		
	SC			1	Xong		
	SC			1	Xong		
XM				1	Xong		
	SC			1	Không làm		
	SC	1			Xong		
	SC			1	Xong		
	SC	1			Xong		
	SC			1	Xong		
	SC			1	Xong		
	SC	1			Xong		
XM				1		Đang thi công	
	SC			1	Xong		
	SC	1			Xong		
	SC	1			Xong		
	SC			1	Xong		
	SC			1	Xong		
	SC	1			Xong		
	SC	1			Xong		
	SC	1				Đang thi công	
	SC			1	Xong		
XM		1				Đang thi công	
	SC	1			Xong		
XM				1		Đang thi công	



Biên mẫu 04

Tổng hợp kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 thuộc Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát

(Kèm theo Báo cáo 12/BCT-UBND ngày 09/4/2025)

TT	Xã, phường, thị trấn	Kế hoạch xây dựng, sửa chữa nhà ở năm 2025										Tình hình, kết quả xây dựng, sửa chữa nhà ở đến tháng 4/2025										Hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng được hỗ trợ thêm kinh phí (nguồn định mức quy)	
		Tổng kinh phí	Trong đó				Số hộ đã hoàn thành xây mới, sửa chữa nhà ở				Số hộ đang xây dựng mới, sửa chữa nhà ở				Trong đó								
			Xây mới nhà ở		Sửa chữa nhà ở		Tổng kinh phí đã giải ngân	Kinh phí đã giải ngân xây mới nhà ở	Kinh phí đã giải ngân sửa chữa nhà ở	Tổng số hộ	Số hộ đang xây mới nhà ở		Số hộ đang sửa chữa nhà ở		Tổng kinh phí đã giải ngân	Kinh phí đã giải ngân xây mới nhà ở	Kinh phí đã giải ngân sửa chữa nhà ở	Số hộ được hỗ trợ	Kinh phí đã giải ngân				
			Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí					Số hộ đang xây mới nhà ở	Số hộ đang sửa chữa nhà ở											
													Số hộ	Kinh phí						Số hộ	Kinh phí		
*	Hệ nghèo	330	1	60	9	270	9	1	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Tỉnh Thọ	330	1	60	9	270	9	1	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
*	Hệ cận nghèo	≤ 40	3	~0	12	360	12	0	11	0	0	0	0	4	2	1	0	0	0				
2	Tỉnh Thọ	540	3	130	~2	360	11	0	..	0	0	0	4	0	3	-	0	0	0				
Tổng cộng		870	4	240	21	630	20	1	19	0	0	0	4	3	1	0	0	0	0				